

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN QUẢN LÝ HÀNG HẢI**
(Dành cho sinh viên từ khóa 62)

**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ HÀNG HẢI
NGÀNH: KHOA HỌC HÀNG HẢI
MÃ NGÀNH: 7840106**

HẢI PHÒNG, 9/2021

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH	2
1.1. Giới thiệu chương trình	2
1.2. Thông tin chung về chương trình	2
1.3. Triết lý giáo dục	2
1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình	2
1.5. Mục tiêu của chương trình	2
1.6. Kết quả học tập dự kiến	3
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	18
1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	18
1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá	20
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	22
2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức	22
2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ	27
2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa	30
2.4. Tóm tắt các học phần	34

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý hàng hải do Khoa Hàng hải xây dựng, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thẩm định và ban hành. Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như một số yêu cầu quốc tế khác đối với năng lực của người lao động trong thế kỷ 21.

1.2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình:	CTĐT cử nhân Quản lý hàng hải
Cơ quan/Viện trao bằng cấp:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Các đơn vị tham gia giảng dạy:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Chứng nhận chuyên môn:	Bằng đại học
Học vị sau tốt nghiệp:	Cử nhân
Mô hình học tập:	Toàn thời gian
Tổng số tín chỉ:	122
Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
Thời lượng đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
Website:	http://vimaru.edu.vn
Cập nhật lần cuối:	Tháng 9/2021

1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”.

1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển và công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc, hội nhập quốc tế.

1.5. Mục tiêu của chương trình

Chuyên ngành Quản lý Hàng hải (QLHH) thuộc Ngành Khoa học hàng hải (KHHH) đào tạo về quản lý tàu biển, các cảng biển và các hệ thống liên quan, đào tạo

chuyên sâu về các quy trình quản lý và khai thác tàu biển, kinh tế hàng hải cũng như các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Hàng hải.

Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản lý Hàng hải (QLHH) cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ sở ngành Khoa học hàng hải, kiến thức Chuyên ngành Quản lý Hàng hải (QLHH), các kỹ năng và thái độ cần thiết để hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các quy trình quản lý hàng hải. Chương trình đào tạo cũng chuẩn bị cho sinh viên làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến khai thác tàu biển yêu cầu kiến thức nâng cao về các quy trình khai thác, quản lý tàu - cảng biển và nghiên cứu sau đại học.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN KỸ THUẬT NGÀNH KHHH		
	KIẾN THỨC CƠ BẢN		
1.1	Kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên	K1- 3a	
1.1.1	Toán giải tích		3.0
1.1.1.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về giải tích và đại số như: tích phân, vi phân, đạo hàm, ma trận giải quyết các vấn đề cơ bản của khối ngành kỹ thuật</i>		
1.1.2	Toán ứng dụng		3.0
1.1.2.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về xác suất và quy luật phân bố xác suất</i>		
1.2	Kiến thức cơ bản về KHXH&NV, khoa học chính trị, pháp luật	K2- 3a	
1.2.1	Lý luận chính trị		3.5
1.2.1.1	<i>Có khả năng hiểu và tiếp nhận, phản hồi hệ thống những quan điểm về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.</i>		3.0
1.2.1.2	<i>Có khả năng hiểu về các phương thức sản xuất, học thuyết kinh tế từ đó hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội</i>		3.0
1.2.1.3	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh từ đó góp phần xây</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
	<i>dựng nền tảng con người mới.</i>		
1.2.1.4	<i>Có khả năng hiểu biết về các kiến thức cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ đó ý thức được trách nhiệm công dân của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng</i>		3.5
1.2.1.5	<i>Có khả năng áp dụng các hiểu biết về lý luận kinh tế, chính trị, xã hội giải thích lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin về chủ nghĩa xã hội</i>		3.5
1.2.2	Pháp luật đại cương		2.5
1.2.2.1	<i>Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp lệnh Phòng chống tham nhũng</i>		2.5
1.3	Kiến thức cơ bản về tin học, quản lý	K3- 3a	
1.3.1	Tin học (MOS)		3.0
1.3.1.1	<i>Nắm bắt các chức năng cơ bản và nâng cao trong soạn thảo, hiệu chỉnh văn bản trên Word, Excel</i>		3.0
1.3.1.2	<i>Thành thạo trong việc soạn thảo văn bản trên Word - Thành thạo trong việc sử dụng bảng tính trên Excel.- Hình thành nhận thức về việc thiết kế các văn bản, bảng tính theo yêu cầu thực tế phát sinh, phát hiện và sửa chữa các lỗi thông thường trong soạn thảo.</i>		3.0
1.3.2	Quản lý		3.0
	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH		
1.5	Kiến thức cơ sở ngành KTHH	K1,K2,K3 - 3a,3b,3e,3j,3k	
1.5.1	<i>Giới thiệu chuyên ngành Quản lý hàng hải</i>		2.5
1.5.1.1	<i>Hiểu được chương trình đào tạo, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chuyên ngành Quản lý Hàng hải</i>		2.5
1.5.1.2	<i>Xác định được các kỹ năng và phẩm chất cá nhân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp của cử nhân quản lý hàng hải</i>		2.5

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
1.5.2	<i>Khoa học quản lý hàng hải</i>		3.0
1.5.2.1	<i>Hiểu được bản chất, nguyên tắc và các phương pháp quản lý</i>		2.0
1.5.2.2	<i>Giải thích được cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý; công cụ và phương tiện quản lý</i>		3.0
1.5.2.3	<i>Vận dụng được các nghiệp vụ quản lý trong ngành hàng hải</i>		3.0
1.5.3	<i>Kiến thức cơ bản về tàu thủy</i>		3.0
1.5.3.1	<i>Có kiến thức cơ bản liên quan tới kết cấu tàu, các thiết bị bố trí trên Boong và đại cương về sửa chữa tàu biển</i>		3.0
1.5.3.2	<i>Giải thích được các bài toán cơ bản liên quan tới tính nổi, tính ổn định, mớn nước và hiệu số mớn nước của tàu</i>		3.0
1.5.4	<i>Quản trị doanh nghiệp</i>		3.0
1.5.4.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về phương pháp quản lý của nhà quản trị và các nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp như: hoạch định, nhân sự, chi phí và kết quả, kiểm soát.</i>		3.0
1.5.4.2	<i>Có khả năng xác định đúng mức độ quan trọng của các phương pháp quản lý ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh để mang lại thành công cho doanh nghiệp.</i>		3.0
1.5.5	<i>Khí tượng hải dương</i>		3.0
1.5.5.1	<i>Hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về khí tượng và hải dương học nhằm phục vụ cho công tác an toàn hàng hải</i>		
1.5.5.2	<i>Thực hiện thuần thục công tác thu nhận, phân tích bản tin và bản đồ thời tiết và khai thác một cách hiệu quả góp phần đảm bảo an toàn hàng hải</i>		
1.5.6	<i>Luật biển</i>		3.0
1.5.6.1	<i>Xác định được các vùng biển tài phán quốc tế và Việt Nam; eo biển và kênh đào quốc tế.</i>		3.0
1.5.6.2	<i>Hiểu được chế độ pháp lý trong các vùng biển tài phán quốc tế và Việt Nam</i>		2.5

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
1.5.6.3	Ứng dụng kiến thức về luật biển trong hoạt động khai thác tàu biển.		3.0
1.5.7	<i>Logistic và vận tải đa phương thức</i>		3.0
1.5.7.1	<i>Có hiểu biết hệ thống khái niệm về Logistics, Logistics kinh doanh, dịch vụ Logistics.</i>		2.5
1.5.7.2	<i>Có hiểu biết về các loại hình dịch vụ logistics và quy định pháp luật về dịch vụ Logistics.</i>		2.5
1.5.7.3	<i>Có hiểu biết về các vấn đề cơ bản của Vận tải đa phương thức, chứng từ Vận tải đa phương thức, phạm vi trách nhiệm và trường hợp miễn trách của người kinh doanh vận tải đa phương thức.</i>		2.5
1.5.7.4	<i>Xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng và quản trị chiến lược chuỗi cung ứng thông qua việc giới thiệu cho người học những khái niệm, hoạt động, tác động của thông tin cũng như cách đo lường hiệu quả và xây dựng chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp.</i>		3.0
1.5.7.5	<i>Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng, mô hình quản trị chiến lược chuỗi cung ứng hiện nay.</i>		3.0
1.5.8	<i>Quản lý an toàn lao động hàng hải</i>		3.5
	Áp dụng được các kiến thức về kỹ thuật an toàn trong các công việc trên tàu biển và cảng biển: bảo dưỡng và sửa chữa trên boong; khi tàu cập bến và rời bến; khi tàu hành trình trên biển; xếp dỡ và bảo quản hàng hóa; công tác quản lý bảo đảm an ninh và an toàn chung trên tàu; công việc liên quan tới xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa tại các cảng và kho bãi		3.5
1.5.9	<i>Hệ thống quản lý giao thông hàng hải</i>		3.5
	Áp dụng được kiến thức cơ bản về nội dung hệ thống giao thông hàng hải, quy tắc quốc tế phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển, luật giao thông đường thủy nội địa, các hệ thống phân luồng giao thông vào công tác quản lý giao thông hàng hải.		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
1.5.10	<i>Địa lý hàng hải</i>		3.0
1.5.10.1	<i>Giúp người học nhận thức về những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, các hiện tượng thời tiết khí hậu đối với hoạt động vận tải biển.</i>		3.0
1.5.10.2	<i>Trang bị kiến thức cơ bản về mặt địa lý cho sinh viên, có thể tự tìm các tuyến vận tải phổ biến trên thế giới, các kênh đào, eo biển quan trọng.</i>		3.0
1.5.11	<i>Hàng hải học</i>		3.0
1.5.11.1	<i>Hiểu được các khái niệm cơ bản trong hàng hải học: Trái đất, xác định phương hướng và quãng đường trên biển, hải đồ đi biển, thiên cầu, chuyển động của thiên thể, thời gian trong hàng hải</i>		2.5
1.5.11.2	<i>Phân tích và so sánh được các phương pháp hàng hải và phương pháp lập kế hoạch chuyển đi</i>		3.0
1.5.11.3	<i>Vận dụng được phương pháp sử dụng hải đồ giấy và các ấn phẩm hàng hải trên tàu để phục vụ công tác lập tuyến hành trình và dẫn tàu an toàn, đo thời gian trong hàng hải</i>		3.0
1.5.12	<i>Thiết bị kỹ thuật hàng hải</i>		3.0
1.5.12.1	<i>Hiểu được chức năng, nguyên lý hoạt động và cấu tạo của các thiết bị hàng hải</i>		3.0
1.5.12.2	<i>Hiểu được cấu tạo và quy trình kiểm tra bảo dưỡng các thiết bị hàng hải</i>		3.0
1.5.12.3	<i>Hiểu được các quy phạm về lắp đặt các thiết bị hàng hải trên tàu biển; áp dụng cho một số loại tàu cụ thể</i>		3.0
1.5.13	<i>Luật hàng hải</i>		3.5
1.5.13.1	<i>Hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về tàu biển, thuyền bộ tàu biển, hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, vận đơn đường biển và một số dịch vụ hàng hải</i>		3.0
1.5.13.2	<i>Vận dụng được các kiến thức về tổn thất chung và tổn thất riêng, tai nạn va chạm tàu biển, cứu hộ hàng hải, trục vớt tài sản chìm đắm, giới hạn trách nhiệm dân sự của chủ tàu, chống ô nhiễm biển, kháng nghị hàng hải, giải</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
	quyết tranh chấp hàng hải vào trong các sự cố hàng hải		
1.5.14	<i>Thông tin liên lạc hàng hải</i>		3.0
1.5.14.1	Hiểu được các kiến thức chung về thông tin vô tuyến điện cũng như các hệ thống thông tin liên lạc mặt đất sử dụng trong hàng hải		2.5
1.5.14.2	Phân biệt được các hệ thống thông tin liên lạc qua vệ tinh sử dụng trong hàng hải		3.0
1.5.14.3	Mô tả được hệ thống báo nạn và phục vụ tìm kiếm cứu nạn toàn cầu GMDSS		3.0
1.5.15	<i>Quản trị nhân lực</i>		3.0
	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản và có hệ thống về quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp tương ứng với 3 giai đoạn: hình thành nguồn nhân lực, duy trì nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực</i> <i>Có khả năng hiểu và áp dụng những kỹ năng về quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức, mối quan hệ của quản trị nguồn nhân lực với các vấn đề quản trị khác trong tổ chức.</i>		3.0
1.5.16	<i>Kinh tế khai thác thương vụ</i>		3.0
1.5.16.1	Hiểu, nắm vững những kiến thức nền tảng về nghiệp vụ khai thác tàu biển		2.5
1.5.16.2	Phân tích, đánh giá, nhận xét và so sánh được các hình thức khai thác tàu		3.0
1.5.16.3	Thực hiện được các mệnh lệnh khai thác tàu của chủ tàu/người thuê tàu một cách chính xác, mang lại hiệu quả kinh tế, tránh những sai sót, nhầm lẫn đáng tiếc		3.0
	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ HÀNG HẢI		
1.6	Kiến thức chuyên ngành	K1,K2,K3,K43a,3b,3e,3j,3k	
1.6.1	<i>Nghiệp vụ giám định hàng hải</i>		3.0
	<i>Hiểu được vai trò, ý nghĩa, nguyên tắc và yêu cầu pháp lý của giám định trong hoạt động hàng hải</i>		3.0
	<i>Hiểu được khái niệm và phương thức thực hiện nghiệp vụ điều tra, thu thập chứng cứ và phân tích</i>		3.0
	<i>Hiểu được khái niệm và phương thức thực hiện nghiệp vụ</i>		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
	<i>giám định tàu biển</i>		
	<i>Hiểu được khái niệm và phương thức thực hiện nghiệp vụ giám định hàng hóa vận chuyển hàng hóa về đường biển</i>		3.0
1.6.2	<i>Quản lý an toàn môi trường hàng hải</i>		3.5
	<i>Áp dụng được các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm từ tàu</i>		3.5
	<i>Thực hiện được công tác chuẩn bị và ứng phó ô nhiễm từ tàu</i>		3.5
1.6.3	<i>Nghiệp vụ thanh tra hàng hải</i>		3.5
	<i>Có kiến thức cơ bản về pháp luật và nghiệp vụ thanh tra hàng hải</i>		3.0
	<i>Thực hiện được nghiệp vụ thanh tra trong các lĩnh vực hàng hải: thanh tra việc chấp hành an toàn, an ninh hàng hải; bảo vệ môi trường; điều tra tai nạn..</i>		3.5
1.6.4	<i>Quản lý vận chuyển hàng hóa bằng đường biển</i>		3.5
	<i>Phân biệt được từng loại hàng hóa vận chuyển trên tàu biển, hiểu được nguyên nhân các phương pháp nhằm hạn chế hư hỏng và thiếu hụt hàng hóa</i>		3.0
	<i>Áp dụng quy trình thực hiện công tác quản lý xếp dỡ và bảo quản hàng hóa trong vận tải biển.</i>		3.5
	<i>Thực hiện được các tính toán liên quan đến xếp dỡ và vận chuyển hàng hóa như thiết lập được phương án chất xếp đảm bảo tận dụng dung tích và tải trọng của tàu; thực hiện được bài toán xác định khối lượng hàng hóa bằng phương pháp giám định món nước; thực hiện được bài toán xác định khối lượng hàng lỏng</i>		3.5
1.6.5	<i>Công nghệ và vận hành công trình ngoài khơi</i>		3.0
	<i>Hiểu được khái niệm và kết cấu của các công trình ngoài khơi</i>		
	<i>Mô tả được công tác khai thác vận hành các công trình ngoài khơi</i>		
	<i>Nhận thức được vai trò đảm bảo an toàn trong khai thác vận hành các công trình ngoài khơi</i>		

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
1.6.6	<i>Pháp luật quốc tế về an toàn hàng hải</i>		3.5
	<i>Hiểu được được các khái niệm cơ bản về tổ chức IMO và các công ước quốc tế của IMO</i>		3.0
	<i>Vận dụng được các công ước, bộ luật chính của IMO, ILO vào công việc liên quan tới quản lý an toàn hàng hải</i>		3.5
1.6.7	<i>Quản lý nhà nước về hàng hải</i>		3.0
	Hiểu được ý nghĩa của môn học quản lý nhà nước về hàng hải		3.0
	Khái quát được các mô hình quản lý của một số nước trên thế giới;		3.0
	Phân tích được các nội dung các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước về hàng hải;		3.0
1.6.8	<i>Bảo hiểm hàng hải</i>		3.0
	Nắm được các kiến thức chung về bảo hiểm và bảo hiểm thân		3.0
	Nắm được các kiến thức về bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu (P&I), bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường biển cũng như Bảo hiểm tai nạn thuyền viên		3.0
1.6.9	<i>Quản lý an toàn và an ninh hàng hải</i>		3.0
	Giải thích được các thuật ngữ, khái niệm về an toàn hàng hải. Phân tích được các nội dung cơ bản được quy định trong Bộ Luật quốc tế về an toàn hàng hải và liên hệ được với thực tiễn thi hành tại Việt Nam.		
	Giải thích được các thuật ngữ, khái niệm về an ninh hàng hải. Phân tích được các nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế và Việt nam về an ninh hàng hải.		
	Đánh giá được vị trí vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động quản lý an toàn và an ninh hàng hải. Nhận diện được sự giao thoa và khác biệt giữa an toàn hàng hải và an ninh hàng hải		
1.6.10	<i>Quản lý rủi ro hàng hải</i>		3.5
	Hiểu được ý nghĩa của môn học quản lý rủi ro hàng hải và vai trò của kỹ năng quản lý rủi ro hàng hải trên thực tế;		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
	Phân loại được các rủi ro hàng hải chính;		3.5
	Thực hiện được các phương pháp đánh giá rủi ro hàng hải.		3.5
1.6.11	<i>Thực tập cơ sở ngành hàng hải</i>		3.0
	<i>Xác định được một số nghiệp vụ trong thực tế, vận dụng lý thuyết đã học để giải thích hoặc thực hiện được một công việc cụ thể được giao</i>		3.0
	<i>Có khả năng viết báo cáo theo các chuyên đề được giao</i>		3.0
	<i>Có khả năng bảo vệ báo cáo trước hội đồng chuyên môn</i>		3.0
1.6.12	<i>Học phần thực tập tốt nghiệp</i>		4.0
	<i>Nắm bắt được các nghiệp vụ cơ bản trong công tác quản lý hàng hải, vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện các công việc được giao</i>		4.0
	<i>Có khả năng tổ chức và điều hành được các hoạt động quản lý hàng hải trong điều kiện hiện nay</i>		4.0
	<i>Có khả năng viết một báo cáo chuyên đề thực tập theo yêu cầu của giáo viên hướng dẫn và của bộ môn. Các báo cáo thực tập được làm như một bài luận</i>		4.0
	<i>Có khả năng bảo vệ chuyên đề thực tập tốt nghiệp trước hội đồng thi bộ môn</i>		4.0
	<i>Học phần thay thế tốt nghiệp</i>		
1.6.13	<i>Hàng hải điện tử</i>		4.0
	<i>Giải thích được khái niệm cơ bản liên quan đến Hàng hải điện tử</i>		4.0
	<i>Trình bày được các giải pháp của IMO để phát triển hệ thống e-Navigation</i>		4.0
	<i>Giải thích được các yêu cầu phát triển các hệ thống lắp đặt trên tàu biển theo hệ thống e-Navigation</i>		4.0
1.6.14	<i>Tồn thất chung</i>		4.0
	<i>Hiểu được các vấn đề cơ bản về tồn thất, tồn thất chung trong hàng hải</i>		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
	Kỹ năng nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề về tồn thất chung trong hàng hải		4.0
	Giải quyết những vấn đề thực tế có liên quan tồn thất		4.0
1.6.15	<i>Quản lý hiệu quả năng lượng hàng hải</i>		4.0
	<i>Mô tả và phân tích được các kiến thức về: Các công ước quốc tế về khí thải, quản lý khí thải và quản lý năng lượng hiệu quả; Công nghệ kỹ thuật và hiệu quả năng lượng; Thiết kế tàu và hiệu quả năng lượng ; Vận hành tàu và hiệu quả năng lượng.</i>		4.0
	<i>Đưa ra một vấn đề, diễn giải được các lập luận logic (và biện chứng) và các giải pháp liên quan đến việc quản lý, vận hành, sự dụng hiệu quả năng lượng hàng hải.</i>		4.0
1.6.16	<i>Đồ án tốt nghiệp</i>		4.0
	<i>Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để giải quyết một vấn đề trong công tác quản lý liên quan tới các hoạt động: đảm bảo an toàn – an ninh hàng hải; đảm bảo môi trường hàng hải, khai thác cảng biển, khai thác và vận hành các công trình ngoài khơi....</i>		
	KỸ NĂNG CÁ NHÂN, NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM CHẤT		
2.1	Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề	S1 – 3e, 3k	
2.1.1	<i>Xác định và nêu vấn đề</i>		3.0
2.1.1.1	<i>Phân tích được dữ liệu và các hiện tượng</i>		3.0
2.1.1.2	<i>Phân tích các giả thuyết</i>		3.0
2.1.2	<i>Ước lượng và phân tích định tính vấn đề</i>		3.0
2.1.2.1	<i>Hiểu được mức độ quan trọng, giới hạn của vấn đề</i>		3.0
2.1.2.2	<i>Phân tích các nguyên nhân của vấn đề</i>		3.0
2.1.3	<i>Phân tích các yếu tố ngẫu nhiên</i>		3.0
2.1.3.1	<i>Nhận biết được các yếu tố ngẫu nhiên tác động đến vấn đề</i>		2.0
2.1.3.2	<i>Giải thích được tác động của yếu tố ngẫu nhiên đến vấn đề</i>		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
	đề		
2.1.4	<i>Các giải pháp và khuyến nghị</i>		3.0
2.1.4.1	<i>Xác định được các giải pháp</i>		3.0
2.1.4.2	<i>Xác định được các kết quả quan trọng của các giải pháp và dữ liệu kiểm tra</i>		3.0
2.1.4.3	<i>Phát hiện các khác biệt trong các kết quả</i>		3.0
2.2	Tư duy tầm hệ thống	S1,S3 – 3b,3c,3j	
2.2.1	<i>Tư duy toàn cục</i>		3.0
2.2.1.1	<i>Hiểu hệ thống, chức năng và sự vận hành, và các thành phần</i>		3.0
2.2.1.2	<i>Xác định và phân loại được sự tương tác hoàn cảnh bên ngoài đến hệ thống</i>		3.0
2.2.2	<i>Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung</i>		3.0
2.2.3.1	<i>Phát hiện tất cả các nhân tố liên quan đến toàn hệ thống</i>		3.0
2.2.3.2	<i>Phát hiện các nhân tố chính yếu từ trong hệ thống</i>		3.0
2.3	Thái độ, tư tưởng và học tập	C1 – 3h,3j,3c	
2.3.1	<i>Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt</i>		3.0
2.3.1.1	<i>Nhận thức được ý thức trách nhiệm về kết quả</i>		2.5
2.3.1.2	<i>Cho thấy sự tự tin, lòng dũng cảm, và niềm đam mê</i>		3.0
2.3.1.3	<i>Cho thấy sự quyết tâm hoàn thành mục tiêu</i>		3.0
2.3.2	<i>Tư duy suy xét</i>		3.0
2.3.2.1	<i>Hiểu mục đích và phát biểu được vấn đề</i>		2.5
2.3.2.2	<i>Diễn giải được những lập luận lô-gic (và biện chứng) và giải pháp</i>		3.0
2.3.3	<i>Học tập và rèn luyện suốt đời</i>		3.0
2.3.3.1	<i>Nhận thức được động lực tự rèn luyện thường xuyên</i>		2.0
2.3.3.2	<i>Xây dựng các kỹ năng tự rèn luyện</i>		3.0
2.3.4	<i>Quản lý thời gian</i>		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
2.4	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác	C1 – 3f, 3k	
2.4.1	<i>Đạo đức, liêm chính và các trách nhiệm khác</i>		3.0
2.4.1.1	<i>Nhận thức được các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của bản thân</i>		2.5
2.4.1.2	<i>Cho thấy tính trung thực</i>		3.0
2.4.2	<i>Hành xử chuyên nghiệp</i>		3.0
2.4.2.1	<i>Cho thấy phong cách chuyên nghiệp, tính kỷ luật</i>		3.0
2.4.3	<i>Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực kỹ thuật</i>		3.0
3	KỸ NĂNG GIAO TIẾP: LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP		
3.1	Làm việc nhóm	S2, S3,S4, C1 – 3d	
3.1.1	<i>Tổ chức nhóm hiệu quả</i>		3.0
3.1.1.1	<i>Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của nhóm</i>		2.5
3.1.1.2	<i>Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm</i>		2.5
3.1.1.3	<i>Đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu của nhóm và các thành viên</i>		3.0
3.1.2	<i>Hoạt động nhóm</i>		3.0
3.1.2.1	<i>Nhận biết được các mục tiêu và công việc cần làm</i>		2.0
3.1.2.2	<i>Thảo luận được việc hoạch định và phân bổ công việc cho từng thành viên trong nhóm</i>		3.0
3.1.2.3	<i>Vận dụng giao tiếp hiệu quả (lắng nghe, hợp tác, cung cấp và đạt được thông tin một cách chủ động) trong quá trình hoạt động nhóm</i>		3.0
3.1.2.4	<i>Cho thấy khả năng phản hồi tích cực và hiệu quả</i>		3.0
3.2	Giao tiếp	S3,S5 – 3g	
3.2.1	<i>Giao tiếp bằng văn bản</i>		3.0
3.2.1.1	<i>Cho thấy khả năng viết mạch lạc và trôi chảy</i>		3.0
3.2.1.2	<i>Cho thấy khả năng viết đúng chính tả, chấm câu, và ngữ pháp</i>		3.0
3.2.1.3	<i>Cho thấy khả năng định dạng văn bản, sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word</i>		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
3.2.2	<i>Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông</i>		3.0
3.2.2.1	<i>Cho thấy khả năng chuẩn bị bài thuyết trình điện tử</i>		3.0
3.2.2.2	<i>Cho thấy khả năng sử dụng thư điện tử</i>		3.0
3.2.2.3	<i>Cho thấy khả năng giao tiếp bằng các thiết bị thông tin liên lạc thoại trên tàu biển</i>		3.0
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ	S6 – 3g	3.5
3.3.1	<i>Tiếng Anh (chuẩn đầu ra 450 TOEIC)</i>		3.5
3.3.2	<i>Tiếng Anh chuyên ngành</i>		3.0
4	XÂY DỰNG, THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH QUẢN LÝ HÀNG HẢI TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG		
4.1	Bối cảnh bên ngoài xã hội	K2,C1-3h,3j,3f,3c	
4.1.1	<i>Vai trò và trách nhiệm của người kỹ sư quản lý hàng hải đối với xã hội</i>		2.0
4.1.1.1	<i>Xác định các mục tiêu và vai trò của ngành nghề kỹ sư quản lý hàng hải</i>		2.0
4.1.1.2	<i>Xác định các trách nhiệm của kỹ sư kỹ sư quản lý hàng hải đối với xã hội</i>		2.0
4.1.2	<i>Bối cảnh lịch sử và văn hóa và phát triển quan điểm toàn cầu</i>		2.0
4.1.2.1	<i>Nhận biết được bản chất đa dạng và lịch sử của xã hội loài người cũng như các truyền thống của ngành hàng hải</i>		2.0
4.1.2.2	<i>Nhận thức được sự quốc tế hóa của hoạt động con người</i>		2.0
4.2	Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh	K2,C1 – 3h, 3c, 3f	
4.2.1	<i>Tôn trọng các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau</i>		2.0
4.2.1.1	<i>Nhận thức được sự khác biệt về quy trình, văn hóa, và yêu cầu về kỷ luật trong các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau</i>		2.0
4.2.2	<i>Các bên liên quan</i>		2.0
4.2.2.1	<i>Xác định nghĩa vụ của các bên liên quan</i>		2.0
4.2.2.2	<i>Phân biệt mối quan hệ giữa các bên liên quan (chủ sở hữu tàu, công ty quản lý tàu, chủ hàng , v.v.)</i>		2.0

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
4.3	Hình thành ý tưởng về quy trình quản lý hàng hải	K1,K3,K4,C1,C3-3a,3b,3f,3h	
4.3.1	<i>Nhận thức được những mục tiêu và yêu cầu của các quy trình quản lý</i>		3.0
4.3.1.1	<i>Hiểu những mục tiêu và yêu cầu của các quy trình quản lý</i>		2.0
4.3.1.2	<i>Diễn giải các mục tiêu và yêu cầu của các quy trình quản lý</i>		3.0
4.3.2	<i>Xác định chức năng và cấu trúc của các quy trình đảm bảo mục tiêu có thể đạt được</i>		3.0
4.3.2.1	<i>Nhận thức được các chức năng cần thiết của các quy trình quản lý</i>		2.0
4.3.2.2	<i>Khái quát được cấu trúc của các quy trình quản lý</i>		3.0
4.3.2.3	<i>Giải thích các khái niệm về triển khai và thực hiện</i>		3.0
4.4	Xây dựng các quy trình khai quản lý hàng hải	K1,K3,K4,C1,C3-3a,3b,3f,3h	
4.4.1	<i>Quy trình xây dựng</i>		3.0
4.4.1.1	<i>Xây dựng được các quy trình chung</i>		3.0
4.4.1.2	<i>Sử dụng các quy trình chung cho các tình huống cụ thể khác nhau</i>		3.0
4.4.1.3	<i>Xây dựng được các quy trình đầy đủ</i>		3.0
4.4.1.4	<i>Chứng minh sự đáp ứng khi yêu cầu thay đổi</i>		3.0
4.4.2	<i>Vận dụng kiến thức trong thiết kế</i>		3.0
4.4.2.1	<i>Áp dụng kiến thức kỹ thuật và khoa học, kiến thức chuyên ngành</i>		3.0
4.4.2.2	<i>Sử dụng được những kỹ thuật và quy trình phù hợp</i>		3.0
4.4.3	<i>Thiết kế đa mục tiêu</i>		3.0
4.4.3.1	<i>Giải thích được các quy trình đảm bảo: hiệu quả kinh tế</i>		3.0
4.4.3.2	<i>Giải thích được các quy trình đảm bảo: an toàn hàng hải</i>		3.0
4.5	Thực hiện các quy trình quản lý hàng hải	K1,K3,K4,K5,S1,S2,S3,S4,C1,C3,C5 – 3a,3b,3c,3d,3e,3k	
4.5.1	<i>Lập kế hoạch triển khai</i>		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
4.5.1.1	Khái quát hóa các mục tiêu và yêu cầu của việc triển khai thực hiện		2.5
4.5.1.2	Khái quát hóa công tác triển khai: Cách bố trí nhiệm vụ trong nhóm, quá trình phối hợp thực hiện		3.0
4.5.2	Quy trình triển khai		3.0
4.5.2.1	Triển khai thực hiện theo kế hoạch		3.0
4.5.3	Quản lý quá trình triển khai		3.0
4.5.3.1	Thực hiện được việc kiểm soát trong quá trình triển khai và thời gian biểu		3.0
4.5.3	Thực hiện được việc giám sát đảm bảo chất lượng công việc		3.0
4.6	Đánh giá các quy trình quản lý hàng hải	K1,K3,K4,K5,S1,S2,S3,S4,C1,C3,C5 – 3a,3b,3c,3d,3e,3k	
4.6.1	Kiểm tra, đánh giá		2.0
4.6.1.1	Diễn giải được quy trình kiểm tra đánh giá		2.0
4.6.1.2	Giải thích sự kiểm tra so với yêu cầu của các quy trình		2.0
4.6.2	Thiết kế và tối ưu hóa quy trình quản lý		2.0
4.6.2.1	Diễn giải tối ưu hóa quy trình quản lý		2.0

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

Thang TĐNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. <i>Có biết hoặc trải qua</i>			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thục
4.	3. Khả năng Áp dụng	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng

Có kỹ <i>năng</i> thực hành hoặc triển khai trong	4. Khả năng Phân tích		phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể <i>dẫn dắt</i> hoặc <i>sáng tạo</i> trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp sẽ đáp ứng nhu cầu của xã hội trong các cơ quan nhà nước có hoạt động liên quan đến Quản lý hành chính về cảng biển, Quản lý an toàn hàng hải, Quản lý khai thác cảng biển, Quản lý môi trường từ hoạt động hàng hải, Quản lý khai thác vận tải biển, Quản lý các phương tiện ngoài khơi phục vụ các dự án về thăm dò dầu khí và tài nguyên biển, Quản lý kho vận bến bãi, Kinh doanh bảo hiểm hàng hải, Đại lý và môi giới Hàng hải, Giám định hàng hải, Hải quan cảng biển, Thanh tra hàng hải

Vị trí mà sinh viên có thể đảm nhận sau khi ra Trường: Chuyên viên nghiệp vụ hàng hải của cơ quan nhà nước, Chuyên viên an toàn pháp chế các hãng tàu và một số cơ quan chuyên môn, Chuyên viên kinh doanh hàng hải, Chuyên viên quản lý tàu, Chuyên viên quản lý kỹ thuật vật tư, Đại lý viên, Giám định viên, Thanh tra viên hàng hải, Chuyên viên bảo hiểm hàng hải.

Chuyên ngành Quản lý hàng hải sẽ chuẩn bị cho sinh viên nền tảng vững chắc để có thể trở thành lãnh đạo, chuyên gia hàng hải và tiếp tục theo học các chương trình Thạc sĩ, Tiến sĩ về Quản lý hàng hải, Quản lý công, Quy hoạch hàng hải và các lĩnh vực liên quan khác.

1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chuẩn nhập học

1. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2. Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

3. Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.8.2. Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.

- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.

- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

- Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, sinh viên đăng ký học phần học tập của từng kỳ, đóng học phí. Mỗi sinh viên sẽ có một thời khóa biểu riêng tùy thuộc vào kết quả đăng ký học phần. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã đăng ký và thực hiện hoạt động học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

d) Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN và GDTC.

e) Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

g) Có đơn gửi Khoa/Viện đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá

1.9.1. Các chiến lược dạy - học

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát triết lý giáo dục: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

- Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;

- Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

1.9.2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

a. Thành phần điểm đánh giá học phần:

- Điểm đánh giá học phần gồm các thành phần sau:

Z: điểm đánh giá học phần;

X: điểm đánh giá trong quá trình học tập. Cách đánh giá điểm X do các bộ môn tự thống nhất.

Y: điểm thi, đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

- Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

- Đối với các học phần GDQP-AN, GDTC, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy. *Lưu ý: để được đánh giá Đạt các học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

- Các phương pháp đánh giá học phần: tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển

khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

b. Công thức tính điểm đánh giá học phần

b.1. Đối với các học phần loại I

$$Z = 0,5X + 0,5Y$$

Để được dự thi kết thúc học phần, sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$. Trường hợp không đủ điều kiện dự thi thì ghi $X = 0$ và $Z = 0$ (không đủ điều kiện dự thi). Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 . Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm X, Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.2. Đối với các học phần loại II

$$Z = Y$$

Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 .

Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.3. Đối với các học phần loại III

$$Z = X$$

Sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$.

c. Quy trình cho điểm X, Y, Z:

c.1. Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

c.2. Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo

d. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5

	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức

Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 122 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

- Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính ngoại ngữ, tin học): 19 TC.
- Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở ngành kỹ thuật và kỹ thuật hàng hải: 45 TC.
- Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 41 TC.
- Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 20/38 TC.

Cấu trúc chương trình đào tạo

T	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
I. KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH TÍCH LŨY			10				
I.1. Giáo dục thể chất (không tích lũy)			2				
I.2. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)			8				
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN			19				
1	18124	Toán cao cấp	4	1.1.1	3.0	1	
2	18131	Toán ứng dụng QLHH	3	1.1.2	3.0	1	
3	11401	Pháp luật đại cương	2	1.2.2; 2.3.1; 2.3.2; 2.3.3; 2.4.1; 2.4.2	3.0	1	
4	19106	NLCB của CN Mác - Lênin 1	2	1.2.1	3.0	1	
5	19109	NLCB của CN Mác - Lênin 2	3	1.2.1	3.5	2	19106
6	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.2.1	3.5	3	19106
7	19301	Đường lối CM của ĐCSVN	3	1.2.1	3.5	4	19201
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ SỞ			45				

T T	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
1	11131	<i>Giới thiệu chuyên ngành Quản lý hàng hải</i>	2	1.5.1 2.2.1;2.2.2;2. 3.1;2.3.2;2.3. 3;2.4.1;2.4.2; 3.1.2;3.2.1;3.	2.5	1	
2	11137	<i>Khoa học quản lý hàng hải</i>	3	1.5.2 2.4.3; 3.1.1; 3.1.2; 3.2.1; 3.2.2;3.3.2	3.5	2	
3	11133	<i>Kiến thức cơ bản về tàu thủy</i>	3	1.5.3 2.1.1;2.1.2;2. 1.3;2.1.4;3.2. 1;3.2.2;3.3.2	3.0	6	
4	28214	<i>Quản trị doanh nghiệp</i>	3	1.5.4;2.1.3; 2.2.2;3.1.1; 3.2.2	3.0	2	
5	11106	<i>Khí tượng hải dương</i>	3	1.5.5; 2.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.1.4; 2.2.1; 2.2.2	3.0	1	
6	11402	<i>Luật biển</i>	2	1.5.6; 2.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.1.4; 2.2.1; 2.2.2; 3.1.2	3.0	2	
7	15815	<i>Logistic và vận tải đa phương thức</i>	3	1.5.7;3.1.1; 3.1.2	3.0	6	
8	11503	<i>Quản lý an toàn lao động hàng hải</i>	3	1.5.8; 2.4.2;4.3.1; 4.3.2;4.4.1; 4.4.2;4.4.3;	3.5	3	
9	11134	<i>Hệ thống quản lý giao thông hàng hải</i>	4	1.5.9; 4.3.1;4.3.2; 4.4.1;4.4.2;	3.5	4	

T T	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
				4.4.3;4.5.1; 4.5.2;4.5.3;			
10	11243	<i>Địa lý hàng hải</i>	2	1.5.10; 2.3.4; 3.1.2; 3.2.1;3.2.2;	3.5	4	11106; 11241
11	11241	<i>Hàng hải học</i>	3	1.5.11; 2.2.1;2.2.2;3. 2.2;3.3.2;	3.0	3	
12	11244	<i>Thiết bị kỹ thuật hàng hải</i>	3	1.5.12; 2.4.3; 3.1.1; 3.1.2;3.3.2;	3.0	6	
13	11464	<i>Luật hàng hải</i>	3	1.5.13; 2.3.4; 2.4.1; 2.4.3; 3.1.2;	3.0	3	
14	11234	<i>Thông tin liên lạc hàng hải</i>	3	1.5.14;2.2.1; 2.2.2;2.3.2; 3.1.1;3.1.2; 3.2.1;3.2.2	3.0	4	
15	28205	<i>Quản trị nhân lực</i>	3	1.5.15;2.3.2; 3.1.1;3.1.2	3.0	5	
16	11406	<i>Kinh tế khai thác thương vụ</i>	2	1.5.16;2.3.1; 2.4.2; 4.1.2; 4.2.2	3.0	6	11402 11464
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH			28				
1	11242	<i>Nghiệp vụ giám định hàng hải</i>	3	1.6.1;2.1.1; 2.1.2;2.1.3; 2.1.4;2.3.2; 4.5.1; 4.5.2;4.5.3; 4.6.1;4.6.2;	3.0	5	
2	11138	<i>Quản lý an toàn môi trường hàng hải</i>	3	1.6.2; 2.3.1;3.1.1;	3.5	3	

T T	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
				3.1.2;3.2.2			
3	11139	<i>Nghiệp vụ thanh tra hàng hải</i>	3	1.6.3; 2.3.3; 2.3.4; 4.3.1;4.3.2;	3.5	7	
4	11145	<i>Quản lý vận chuyển hàng hóa bằng đường biển</i>	4	1.6.4; 4.4.1; 4.4.2; 4.4.3; 4.5.1; 4.5.2; 4.5.3;	3.0	7	11133
5	11146	<i>Công nghệ và vận hành công trình ngoài khơi</i>	3	1.6.5; 2.4.1; 2.4.2; 4.4.1; 4.4.2; 4.4.3;	3.0	7	11244
6	11449	<i>Pháp luật quốc tế về an toàn hàng hải</i>	3	1.6.6; 4.3.1; 4.3.2; 4.4.1; 4.4.2; 4.4.3; 4.5.1; 4.5.2; 4.5.3;	3.0	4	
7	11451	<i>Quản lý nhà nước về hàng hải</i>	2	1.6.7; 2.3.1; 2.3.3; 2.4.1;	3.0	5	
8	11454	<i>Bảo hiểm hàng hải</i>	3	1.6.8; 2.3.1; 2.3.2; 2.3.3;	3.0	5	
9	11407	<i>Quản lý an toàn và an ninh hàng hải</i>	2	1.6.9; 2.4.1;4.1.1; 4.1.2;4.2.1; 4.2.2;4.3.1; 4.3.2;	3.5	5	
10	11438	<i>Quản lý rủi ro hàng hải</i>	2	1.6.10; 4.5.1;4.5.2; 4.5.3;4.6.1; 4.6.2;	3.5	7	

T T	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP (13TC)							
1	11501	<i>Thực tập cơ sở ngành hàng hải</i>	03	1.6.11; 2.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.1.4; 2.2.1; 2.2.2; 3.2.1; 3.2.2; 3.3.2; 4.1.1; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.2;	3.5	6	11132
2	11502	<i>Học phần thực tập tốt nghiệp</i>	04	1.6.12; 2.1.1;2.1.2; 2.1.3;2.1.4; 2.2.1;2.2.2; 3.2.1;3.2.2; 3.3.2;4.4.1; 4.4.2;4.4.3; 4.5.1;4.5.2; 4.5.3;	3.5	8	11145; 11501
3		<i>Học phần thay thế tốt nghiệp</i>	2				11145, 11502
	11247	<i>Hàng hải điện tử</i>	2	1.6.13; 4.3.1;4.3.2; 4.4.1;4.4.2; 4.4.3;4.5.1; 4.5.2;4.5.3; 4.6.1;4.6.2;		8	
	11456	<i>Tổng quát chung</i>	2	1.6.14; 4.3.1;4.3.2; 4.4.1;4.4.2; 4.4.3;4.5.1; 4.5.2;4.5.3; 4.6.1;4.6.2;		8	
	11140	<i>Quản lý hiệu quả năng lượng hàng hải</i>	2	1.6.15; 4.3.1;4.3.2;		8	

T T	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
				4.4.1;4.4.2; 4.4.3;4.5.1; 4.5.2;4.5.3; 4.6.1;4.6.2;			
4	11503	<i>Đồ án tốt nghiệp</i>	06	1.6.16; 4.3.1;4.3.2; 4.4.1;4.4.2; 4.4.3;4.5.1; 4.5.2;4.5.3; 4.6.1;4.6.2;		8	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN			18/37				
1	25101	<i>Anh văn cơ bản 1</i>	3			1	
2	25102	<i>Anh văn cơ bản 2</i>	3			2	
3	25103	<i>Anh văn cơ bản 3</i>	3			3	
4	25458	<i>Anh văn chuyên ngành hàng hải</i>	3			4	
5	12117	<i>Máy tàu thủy</i>	2			1	
6	17102	<i>Tin học văn phòng</i>	3			5	
7	26101	<i>Môi trường và bảo vệ môi trường</i>	2			2	
8	29101	<i>Kỹ năng mềm 1</i>	2			3	
9	11450	<i>Pháp luật về dịch vụ hàng hải</i>	2			5	
10	28239	<i>Văn hóa doanh nghiệp</i>	3			6	
11	11136	<i>Tìm kiếm cứu nạn hàng hải</i>	2			4	
12	11428	<i>Chính sách về biển và đại dương</i>	2			3	
13	11135	<i>Tin học quản lý hàng hải</i>	2			4	
14	11245	<i>Nghiệp vụ đại lý hàng hải và môi giới tàu</i>	2			6	
15	11246	<i>Công ước và luật quốc tế về vận chuyển hàng hải bằng đường biển</i>	2			7	
16	11221	<i>Lập kế hoạch chuyến đi</i>	2			7	

2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ

Học kỳ	Mã HP	Tên HP	Chủ đề CDR và các TDNL được phân bổ cho học phần																																					
			2.1				2.2		2.3				2.4			3.1		3.2		3.3		4.1		4.2		4.3		4.4		4.5			4.6							
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.4.1	2.4.2	2.4.3	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.3.1	3.3.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.3.1	4.3.2	4.4.1	4.4.2	4.4.3	4.5.1	4.5.2	4.5.3	4.6.1	4.6.2					
1	11131	Giới thiệu chuyên ngành QLHH	I	I	I	I	I	I		TU2	TU2	TU2	TU2	TU2	TU2	TU2	TU2	TU2	I	I	TU2	TU2	TU2	TU2	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I	I				
	19106	NLCB của CN Mác - Lênin 1																																						
	18124	Toán cao cấp																																						
	11106	Khí tượng Hải dương	T2	T2	T2	T2	T2	T2																																
	11401	Pháp luật đại cương								U2	U2	U2	TU2	U2	U2	U2																								
2	19109	NLCB của CN Mác - Lênin 2																																						
	11402	Luật biển	U2	U2	U2	U2	U2	U2							U2	U2																								
	28214	Quản trị doanh nghiệp			U2		U2	U2							U2			U2																						
	11137	Khoa học quản lý hàng hải											U2	U2	U2	U2	U2		TU2																					
	18131	Toán ứng dụng																																						
3	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh																																						
	11132	Quản lý an toàn lao động hàng hải													TU3											TU2	TU2	TU2	TU2	TU2										
	11138	Quản lý an toàn môi trường hàng hải							T3						TU3	TU3		TU3																						
	11464	Luật hàng hải										TU3	TU3	TU3	TU3						U2	U2	U2	U2																
	11241	Hàng hải học					T3	T3										U3	U2																					
4	19301	Đường lối CM của ĐCSVN																																						
	11234	Thông tin liên lạc hàng hải					U3	U3		T3					U3	U3	TU3	U3																						
	11449	Pháp luật quốc tế về an toàn hàng hải																								U2	U2	U2	U2	U2	TU2	TU2	TU2							
	11243	Địa lý hàng hải	T3	T3	T3	T3						U3			U3	U3																								
	11134	Hệ thống quản lý giao thông hàng hải																								TU3	TU3	TU3	TU3	TU3	U2	U2	U2							
5	11454	Bảo hiểm hàng hải							U3	U3	TU3																													
	28205	Quản trị nhân lực							U3						U3	U3																								
	11242	Nghiệp vụ giám định hàng hải	U3	U3	U3	U3				U3																										TU3	TU3	TU3	TU2	TU2

Học kỳ	Mã HP	Tên HP	Chủ đề CDR và các TDNL được phân bổ cho học phần																																					
			2.1				2.2		2.3				2.4			3.1		3.2		3.3		4.1		4.2		4.3		4.4			4.5			4.6						
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.4.1	2.4.2	2.4.3	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.3.1	3.3.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.3.1	4.3.2	4.4.1	4.4.2	4.4.3	4.5.1	4.5.2	4.5.3	4.6.1	4.6.2					
	11451	Quản lý nhà nước về hàng hải							U3						U3																									
	11407	Quản lý an toàn và an ninh hàng hải																																						
6	15815	Logistic và vận tải đa phương thức																																						
	11244	Thiết bị kỹ thuật hàng hải																																						
	11133	Kiến thức cơ bản về tàu thủy	U3	U3	U3	U3																																		
	11406	Kinh tế khai thác thương vụ																																						
	11501	Thực tập cơ sở ngành hàng hải	U3	U3	U3	U3	U3	U3																																
7	11139	Nghiệp vụ thanh tra hàng hải																																						
	11145	Quản lý VCHH bằng đường biển																																						
	11146	Công nghệ và vận hành công trình ngoài khơi																																						
	11438	Quản lý rủi ro hàng hải																																						
8	11502	Thực tập tốt nghiệp	U3	U3	U3	U3	U3	U3																																
	11503	Đồ án tốt nghiệp																																						
	Chứng chỉ TOEIC >=450																																							

Đánh giá năng lực của sinh viên

Học kỳ	Chủ đề CDR và các TDNL																																
	2.1				2.2		2.3				2.4			3.1		3.2		3.3		4.1		4.2		4.3		4.4			4.5			4.6	
	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.4.1	2.4.2	2.4.3	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.3.1	3.3.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.3.1	4.3.2	4.4.1	4.4.2	4.4.3	4.5.1	4.5.2	4.5.3	4.6.1	4.6.2
1	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0			2.0	2.0	2.0	2.0										
2	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0			2.0	2.0	2.0	2.0	2.0		2.0														
3					3.0	3.0	3.0			3.0	3.0	3.0	2.0	3.0	3.0		3.0			2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0					
4	3.0	3.0	2.0	2.0	3.0	3.0		3.0		3.0			2.0	3.0	3.0	3.0	3.0							2.0	3.0	3.0	3.0	3.0	2.0	2.0	2.0		
5	3.0	3.0	3.0	3.0			3.0	3.0	3.0		3.0		3.0	3.0	3.0					2.0	2.0	2.0	2.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	2.0	2.0
6	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0				3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0		3.0	2.0	2.0	2.0	2.0										
7								3.0	3.0	3.0	3.0	3.0				3.0	3.0							3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	2.0	2.0
8	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0										3.0	3.0		3.0					3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	2.0	2.0
CDR của CTĐT	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.5	3.0	2.0	2.0	2.0	2.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	2.0	2.0

2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa

Học kỳ I

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			13						
1	11131	Giới thiệu chuyên ngành QLHH	2	30				III	
2	19106	NLCB của CN Mác - Lênin 1	2	20	20			I	
3	18124	Toán cao cấp	4	60				I	
4	11106	Khí tượng Hải dương	3	40	20			I	
5	11401	Pháp luật đại cương	2	25	10			I	
Tự chọn			3/6						
6	25101	Anh văn cơ bản 1	3	45				I	
7	28239	Văn hóa doanh nghiệp	3	45				I	
TỔNG			16						

Học kỳ II

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			14						
1	19109	NLCB của CN Mác - Lênin 2	3	35	20			I	19106
2	11402	Luật biển	2	30				I	
3	28214	Quản trị doanh nghiệp	3	45				I	
4	11137	Khoa học quản lý hàng hải	3	45				I	
5	18131	Toán ứng dụng QLHH	3	45				I	
Tự chọn			2/5						
6	25102	Anh văn cơ bản 2	3	45				I	
7	26101	Môi trường & bảo vệ môi trường	2	30				I	
TỔNG			16						

Học kỳ III

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			14						
1	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20			I	19106
2	11132	Quản lý an toàn lao động hàng hải	3	35	20			I	
3	11138	Quản lý an toàn môi trường hàng hải	3	45				I	
4	11464	Luật hàng hải	3	45				I	
5	11241	Hàng hải học	3	45				I	
Tự chọn			3/7						
6	25103	Anh văn cơ bản 3	3	45				I	
7	12117	Máy tàu thủy	2	30				I	

8	29101	Kỹ năng mềm 1	2	30				I	
		TỔNG	17						

Học kỳ IV

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			15						
1	19301	Đường lối CM của ĐCSVN	3	35	20			I	19201
2	11234	Thông tin liên lạc hàng hải	3	35	20			I	
3	11243	Địa lý hàng hải	2	30				I	11106; 11241
4	11449	Pháp luật quốc tế về an toàn hàng hải	3	45				I	
5	11134	Hệ thống quản lý giao thông hàng hải	4	60				I	
Tự chọn			2/7						
6	25458	Anh văn chuyên ngành hàng hải	3	45				I	
7	11428	Chính sách biển và đại dương	2	30				I	
8	11136	Tìm kiếm cứu nạn hàng hải	2	30				I	
		TỔNG	17						

Học kỳ V

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			13						
1	11454	Bảo hiểm hàng hải	3	30		X		I	
2	28205	Quản trị nhân lực	3	45				I	
3	11242	Nghiệp vụ giám định hàng hải	3	45				I	
4	11451	Quản lý nhà nước về hàng hải	2	30				I	
5	11407	Quản lý an toàn và an ninh hàng hải	2	25	10			I	
Tự chọn			2/5						
5	17102	Tin học văn phòng	3	35	20			I	
6	11450	Pháp luật về dịch vụ hàng hải	2	30				I	
		TỔNG	15						

Học kỳ VI

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			14						
1	15815	Logistic và vận tải đa phương thức	3	45				I	
2	11244	Thiết bị kỹ thuật hàng hải	3	45				I	
3	11133	Kiến thức cơ bản về tàu thủy	3	30		15		I	
4	11406	Kinh tế khai thác thương vụ	2	30				I	11402

									11464
5	11501	Thực tập cơ sở ngành hàng hải	3		90			I	11132
Tự chọn			2/5						
5	11135	Tin học quản lý hàng hải	2	20	20			I	
6	11245	Nghiệp vụ đại lý h/hải và môi giới tàu	2	30				I	
TỔNG			16						

Học kỳ VII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			12						
1	11139	Nghiệp vụ thanh tra hàng hải	3	45				I	
2	11145	Quản lý vận chuyển hàng hóa bằng đường biển	4	45		X		I	11133
3	11146	Công nghệ và vận hành công trình ngoài khơi	3	45				I	11244
4	11438	Quản lý rủi ro hàng hải	2	30					
Tự chọn			2/4						
1	11246	Công ước và luật quốc tế về VCHH bằng ĐB	2	30				II	
2	11221	Lập kế hoạch chuyến đi	2	30				II	
TỔNG			14						

Học kỳ VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			4						
1	11502	Thực tập tốt nghiệp	04		120			II	11501 11145
Tự chọn			6/12						
2	11503	Đồ án tốt nghiệp	6				X	II	11502
Học phần thay thế									11501 11145
3	11247	Hàng hải điện tử	2	30				I	
	11140	Quản lý hiệu quả năng lượng hàng hải	2	30	20			I	
	11456	Tổn thất chung	2	30				I	
TỔNG			10						

Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học: bằng thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nêu trên cộng thêm 03 năm.

2.4. Tóm tắt các học phần